

GIẢI PHÁP BẢO VỆ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ MINH HÒA*

ĐỖ THỊ TƯƠI**

HÀ TUẤN ANH***

Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, đặc biệt các quốc gia trong thời gian phải đương đầu với đại dịch Covid -19, song Việt Nam vẫn đạt được những thành tựu đáng ghi nhận trong ổn định kinh tế vĩ mô, giữ vững tăng trưởng và phục hồi thị trường lao động - việc làm. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện một số chính sách, biện pháp can thiệp hiệu quả như tạo môi trường thu hút đầu tư hấp dẫn, ổn định; đồng thời, bảo vệ việc làm cho người lao động. Thông qua phân tích bối cảnh trong nước tác động tới việc làm, bài viết đưa ra một số khuyến nghị giải pháp nhằm bảo vệ và tạo việc làm cho người lao động ở nước ta hiện nay.

Từ khóa: Việc làm; bảo vệ việc làm; giải pháp; người lao động.

In light of global challenges, particularly those posed by the Covid-19 pandemic, Vietnam has achieved significant successes in maintaining macroeconomic stability, sustaining growth, and revitalizing the labor market. The Vietnamese Government has implemented several effective policies and measures aimed at creating an attractive and stable investment environment while also protecting workers' jobs. This article analyzes the domestic factors affecting employment and proposes several recommended solutions to safeguard and create jobs for workers in the current period.

Keywords: Employment; job protection; solutions; workers.

NGÀY NHẬN: 15/11/2024

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 20/12/2024

NGÀY DUYỆT: 10/01/2025

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.348.2025.1062>

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình toàn cầu hóa, mức độ tự chủ của mỗi quốc gia đối với các chính sách kinh tế đã liên tục thay đổi, chứng kiến sự gia tăng vai trò tương đối của khu vực bên ngoài so với khu vực nội bộ của nền kinh tế.

Mục tiêu tổng quát của chính sách kinh tế vĩ mô là góp phần bảo đảm phúc lợi kinh tế và xã hội một cách công bằng và bền vững. Việc ổn định kinh tế vĩ mô có thể mang lại

một số lợi ích tinh, không nhất thiết mang lại mức đầu tư và tăng trưởng cao, là điều không cần bàn cãi (Piece, 2012). Tuy nhiên, những bất ổn trên thế giới (dịch bệnh, chiến tranh, khủng hoảng, xung đột,...) góp phần tác động

* TS, Trường Đại học Lao động - Xã hội

** PGS.TS, Trường Đại học Lao động - Xã hội

*** ThS, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

tiêu cực lên nền kinh tế, làm gia tăng thất nghiệp và thiếu việc làm - nguyên nhân chính gây ra nghèo, đói, vì vậy, việc duy trì nền kinh tế càng gần mức toàn dụng lao động càng tốt. Đối phó với những vấn đề này, mỗi quốc gia đều có những hướng đi riêng nhưng đều tập trung vào ổn định kinh tế vĩ mô, từ đó, được kỳ vọng sẽ bảo đảm tăng trưởng kinh tế và tạo thêm nhiều việc làm thỏa đáng.

Cũng như các nền kinh tế của nhiều quốc gia khác trên thế giới, kinh tế Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn trong thời gian qua, tuy nhiên, Việt Nam là một trong số ít quốc gia vẫn đạt được sự tăng trưởng dương trong giai đoạn đại dịch Covid-19 và có sự phục hồi ấn tượng. Bài viết phân tích bối cảnh Việt Nam và một số chính sách của Nhà nước đã thực hiện nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện và bảo vệ việc làm cho người lao động, qua đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện hơn hoạt động này.

2. Cơ sở lý luận

Về cơ bản, ổn định kinh tế vĩ mô có nghĩa là sự kết hợp giữa cân bằng bên ngoài và bên trong, tức ngụ ý đến việc làm đầy đủ và tăng trưởng kinh tế ổn định, đi kèm với lạm phát thấp (Ocampo, 2008). Việc làm hiệu quả và bền vững là nguồn bảo đảm thu nhập quan trọng nhất. Để tạo ra việc làm bền vững, các quốc gia cần phải đạt được tăng trưởng bền vững và toàn diện, điều này phụ thuộc rất nhiều vào chính sách kinh tế vĩ mô.

Trong giai đoạn cuối của thế kỷ XX, khuôn khổ chính sách kinh tế vĩ mô ở phần lớn các quốc gia được thiết kế chủ yếu tập trung vào việc đạt được sự ổn định về giá cả và cán cân thanh toán. Tuy nhiên, dù đã kiểm soát đáng kể giá cả, đặc biệt là lạm phát nhưng tăng trưởng vẫn chưa thỏa đáng, chưa thấy được đạt mức bền vững cần thiết để có được lợi ích rõ rệt về tạo việc làm và giảm nghèo, đói. Do đó, việc hoạch định chính sách vĩ mô trong tương lai cần quay trở lại mục tiêu toàn dụng lao động, tức tập trung vào chiến dịch hướng tới “việc làm đầy đủ, năng suất và tự do chọn lựa” (Muqtada, 2003). Trong bối cảnh đổi

mới, người nghèo và người thất nghiệp với những vấn đề sinh tồn hàng ngày ở các nước đang phát triển khó có thể chờ đợi vô thời hạn. Đây thực sự là lý do thuyết phục nhất rằng tại sao các chính phủ phải can thiệp vào cơ chế thị trường nhằm nỗ lực nhanh chóng hướng tới việc tạo ra và duy trì mức độ việc làm cao (Bhaduri, 2005).

Nhiều nghiên cứu cho thấy, cùng với tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô và chiến lược phát triển phù hợp để thúc đẩy tăng trưởng năng lực sản xuất, cải thiện môi trường kinh doanh, cải cách thị trường lao động giúp thúc đẩy tăng trưởng tạo ra nhiều việc làm hơn (UN, 2018). Hiệp ước Việc làm Toàn cầu (ILO, 2009) đưa ra danh mục các nhóm biện pháp, đó là: (1) Kích thích nhu cầu lao động; (2) Hỗ trợ người tìm việc, việc làm và người thất nghiệp; (3) Mở rộng bảo trợ xã hội và an ninh lương thực; (4) Đối thoại xã hội và quyền tại nơi làm việc. Những nhóm biện pháp này có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mỗi quốc gia, theo đó, nhóm quốc gia có thu nhập càng cao thì số biện pháp áp dụng càng nhiều. Việt Nam là quốc gia thuộc nhóm thu nhập trung bình thấp nên các biện pháp thực hiện để bảo vệ việc làm cho người lao động làm việc trong doanh nghiệp thấp hơn các nước có thu nhập cao và trung bình cao.

3. Kết quả phân tích

a. Bối cảnh trong nước tác động đến việc làm ở Việt Nam

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng, Việt Nam không phải là ngoại lệ. Kinh tế Việt Nam năm 2023 mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, giảm so với năm 2022 (5,05% năm 2023 và 8,12% năm 2022) (TCTK, 2024), song vẫn đạt được kết quả khả quan (quý I tăng 3,41%; quý II tăng 4,25%; quý III tăng 5,47%; quý IV tăng 6,72%) (TCTK, 2024a). Đó là nhờ một số yếu tố thuận lợi, nhất là kinh tế vĩ mô giữ ổn định, chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ kết hợp hiệu quả

đã giúp kiểm soát lạm phát ở vùng an toàn, lãi suất điều hành giảm dần là cơ sở để giảm lãi suất cho vay hỗ trợ sản xuất. Bên cạnh đó, thu hút đầu tư nước ngoài năm 2023 chưa phát huy hiệu quả khi các nhà đầu tư chưa mở rộng quy mô đầu tư vào các dự án đang hoạt động ở Việt Nam do những khó khăn chung của kinh tế thế giới nói chung và của cộng đồng doanh nghiệp. Điều này ảnh hưởng đến cơ hội việc làm, thu nhập của người lao động.

Chính phủ cũng đã thực hiện nhiều chính sách và chiến lược khác nhau để giảm tỷ lệ đói nghèo và thu hẹp khoảng cách thu nhập trong nước, kinh tế Việt Nam dù thực sự đạt được sự tăng trưởng nhưng phúc lợi vẫn chưa theo kịp mức tăng trưởng GDP. Kinh tế đang từng bước phục hồi, doanh nghiệp mở rộng sản xuất, vì vậy, thị trường lao động có dấu hiệu khởi sắc, nhu cầu tuyển dụng tăng, kéo theo tỷ lệ tham gia lao động, quy mô lao động và lao động có việc làm có xu hướng tăng. Tỷ lệ tham gia lao động quý I/2024 là 68,5%, giảm 0,4 điểm phần trăm so với quý IV/2023, đạt ở mức độ trước Covid-19 bùng phát ở Việt Nam (quý II/2021). Tỷ lệ này của nữ giới là 62,6%, thấp hơn so với của nam giới là 74,7%. Tỷ lệ tham gia lao động khu vực thành thị là 66,1%, thấp hơn ở khu vực nông thôn 3,9 điểm phần trăm. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên trong quý I/2024 là 52,4 triệu người, giảm 137,4 nghìn người so với quý trước nhưng tăng 175,8 nghìn người so với cùng kỳ năm trước (TCTK, 2024a).

Chất lượng lao động tiếp tục được cải thiện, dần đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ quý I/2024 là 27,8%, tăng 0,2 điểm phần trăm so với quý trước và tăng 1,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, trình độ chuyên môn của lao động Việt Nam mặc dù được cải thiện, song vẫn thấp, tiếp tục là “điểm nghẽn” cho phát triển việc làm chất lượng và năng suất. Số lao động có việc làm quý I/2024 đã quay trở lại xu hướng phát triển bình thường như thời kỳ trước dịch Covid-19 (trước năm

2020) và giảm nhẹ so với quý IV/2023 (giảm 0,25%) (TCTK, 2024a).

b. Về môi trường thu hút đầu tư

Thứ nhất, chính sách, pháp luật, chiến lược về thu hút đầu tư: trong bối cảnh xuất hiện nhiều hệ lụy về môi trường trong quá trình phát triển, Việt Nam đã tăng cường xây dựng chính sách, pháp luật nhằm bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, trong đó đặt ra vấn đề giải quyết các tác động đến môi trường trong thu hút FDI.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được xây dựng theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tiếp đến là định hướng chung Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn 2050 đặt ra nỗ lực cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, giảm cường độ phát thải khí nhà kính thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên dựa trên nền tảng khoa học...

Thứ hai, hội nhập kinh tế quốc tế: Việt Nam tích cực tham gia các tổ chức, cộng đồng kinh tế và tham gia ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mở ra những cơ hội và triển vọng mới về thu hút đầu tư, tăng cơ hội việc làm. Tính đến tháng 12/2022, Việt Nam đã tham gia 17 Hiệp định Thương mại tự do (FTA) cả song phương và đa phương với nhiều đối tác trên toàn cầu, bao trùm nhiều lĩnh vực. Trong đó, các hiệp định đáng chú ý có thể kể đến, như: Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP)... Đây là những hiệp định FTA thế hệ mới với những cam kết sâu rộng, toàn diện về

thương mại, đầu tư,... đưa nền kinh tế Việt Nam lên vị thế mới trên bản đồ thương mại quốc tế, mở ra cơ hội lớn cho doanh nghiệp khi được tăng cường hợp tác, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu để phát triển sản xuất - kinh doanh. Gần đây, RCEP đã có đàm phán mở cửa tốt hơn cho ngành dịch vụ hậu cần logistics, viễn thông...; đưa nền tảng thương mại điện tử tốt hơn, môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, cạnh tranh hơn,...

Khảo sát PCI 2021 (VCCI, 2022) cho thấy, mức độ nhận biết của doanh nghiệp Việt Nam về các FTA là khá khiêm tốn. Chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực thi các FTA cũng như hướng dẫn thực hiện các văn bản đó này sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tận dụng lợi ích từ những FTA. Có khoảng 49% doanh nghiệp đã từng gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến thực thi các FTA. Dù phân theo đặc điểm về định hướng thương mại, quy mô vốn, quy mô lao động, số năm hoạt động hay ngành kinh tế, mức độ gặp khó khăn giữa các nhóm doanh nghiệp là tương đương nhau.

Thứ ba, các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư FDI: kết quả khảo sát của VCCI (2022) cho thấy, trong 9 yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư FDI, bao gồm: (1) Chính trị ổn định hơn; (2) Rủi ro bị thu hồi mặt bằng kinh doanh thấp hơn; (3) Mức ảnh hưởng chính sách cao hơn; (4) Hệ thống quy định ít hạn chế hơn; (5) Tham nhũng ít phổ biến hơn; (6) Bất ổn chính sách thấp hơn; (7) Mức thuế thấp hơn; (8) Chất lượng dịch vụ công tốt hơn; (9) Cơ sở hạ tầng tốt hơn thì yếu tố “Chính trị ổn định hơn” được coi là nhóm lợi thế lâu dài, luôn có sức hút với các nhà đầu tư nước ngoài. Yếu tố này của Việt Nam liên tục được các doanh nghiệp FDI đánh giá cao, với tỷ lệ trên 90% và dao động không đáng kể qua các năm 2013 - 2021. Các nhà đầu tư nước ngoài vẫn coi chất lượng cung cấp dịch vụ công là điểm yếu của Việt Nam dù đánh giá của doanh nghiệp FDI về lĩnh vực này đã cải thiện đáng kể.

Thứ tư, môi trường pháp lý: Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách, pháp luật nhằm điều chỉnh và quản lý các quan hệ xã hội trong lĩnh vực lao động. Trong đó, đáng chú ý là hệ thống pháp luật lao động ở Việt Nam đã có nhiều thay đổi và từng bước được hoàn thiện phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế và những cam kết quốc tế mà Việt Nam ký kết và tham gia. Cùng với *Bộ luật Lao động*, các văn bản hướng dẫn thi hành thường xuyên được xem xét, sửa đổi, bổ sung đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của thực tiễn đời sống, đặc biệt là những nội dung trực tiếp liên quan đến quan hệ lao động. Nhà nước đã ban hành các văn bản làm căn cứ để xây dựng và triển khai đề án phát triển quan hệ lao động, như: Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021 và Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong tình hình mới trên phạm vi cả nước.

4. Bảo vệ việc làm cho người lao động ở Việt Nam

Một là, các biện pháp kích thích nhu cầu lao động.

Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 14/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm việc làm bền vững, nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc của công nhân lao động, trong đó đề ra nhiều biện pháp, giải pháp quyết liệt, đồng bộ để các cấp, các ngành, các địa phương tập trung chỉ đạo rà soát, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến bảo đảm việc làm bền vững, nâng cao mức sống, cải thiện điều kiện làm việc của công nhân lao động, gồm:

(1) Tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực hiện *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Thông tư số 45/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018, Chính

phủ và ngành Ngân hàng đã ban hành và triển khai các chương trình tín dụng đặc thù đối với các ngành, các lĩnh vực, trong đó có đối tượng thụ hưởng là doanh nghiệp nhỏ và vừa, như: Chính sách cho vay hỗ trợ lãi suất 2% từ ngân sách nhà nước theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ... Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất mà các doanh nghiệp gặp phải là tiếp cận tín dụng (57,1% doanh nghiệp), trong đó có tới 62% doanh nghiệp có số vốn dưới 3 tỷ đồng, cao nhất trong các nhóm doanh nghiệp theo quy mô vốn, nguyên nhân chủ yếu là do không có tài sản thế chấp (82,1%) (VCCI, 2024).

(2) Trợ cấp và giảm thuế cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Khoản 1 Điều 10 *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa* năm 2017 quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về thuế. Ngoài ra, để bảo vệ việc làm cho lao động yếu thế, doanh nghiệp sẽ được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 78/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính khi tham gia vào các hoạt động sản xuất, xây dựng và vận tải sử dụng nhiều nhân viên nữ và/hoặc người dân tộc thiểu số.

Hai là, biện pháp hỗ trợ người tìm việc, việc làm và người thất nghiệp, gồm:

(1) Các biện pháp đào tạo bổ sung: việc đào tạo kỹ năng, kiến thức mới cho lực lượng lao động là cần thiết, được coi là một khoản đầu tư, đồng thời bảo vệ việc làm cho người lao động trước các biến động của thị trường lao động. Điều 60 *Bộ luật Lao động* năm 2019 đã quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động theo kịp tiến bộ khoa học - kỹ thuật và làm việc có trách nhiệm, hiệu quả cao, phải đào tạo lại trước khi chuyển sang làm công việc khác trong doanh nghiệp.

(2) Tăng cường năng lực dịch vụ việc làm công. Năm 2023, lần đầu tiên ở Việt Nam

phiên Giao dịch việc làm trực tuyến kết nối các tỉnh, thành phố được tổ chức, thu hút sự tham gia của doanh nghiệp và người lao động, góp phần kết nối cung cầu lao động. Điển hình là sàn giao dịch việc làm trực tiếp và trực tuyến liên kết vùng khu vực TP. Hồ Chí Minh với đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh lân cận; Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội đã phối hợp với trung tâm dịch vụ việc làm của các tỉnh, thành phố tổ chức “Phiên Giao dịch việc làm trực tuyến kết nối 9 tỉnh, thành phố”.

Ba là, mở rộng bảo trợ xã hội và an ninh việc làm. Ở nhóm biện pháp này, việc bảo vệ cho người lao động nhập cư được coi là biện pháp cơ bản Việt Nam đã áp dụng theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016 - 2020.

Bốn là, đối thoại xã hội và quyền tại nơi làm việc. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết Điều 63, 64 *Bộ luật Lao động* năm 2019 về thực hiện tổ chức đối thoại tại nơi làm việc. Tuy nhiên, việc thực hiện ở doanh nghiệp vẫn chưa đầy đủ và còn mang tính hình thức. Các doanh nghiệp ở các khu chế xuất, khu công nghiệp còn gặp nhiều trở ngại trong vấn đề tổ chức đối thoại với người lao động do sự khác biệt về văn hóa, trình độ học vấn giữa người lao động và người sử dụng lao động. Điều này ảnh hưởng đến lương, thưởng Tết, phương án giảm lao động.

5. Kết luận và khuyến nghị

a. Kết luận

Ổn định kinh tế vĩ mô là cần thiết cho tăng trưởng, tuy nhiên không thể chỉ quan tâm đến khía cạnh tăng trưởng. Đối với các nước đang phát triển, đặc biệt như Việt Nam phải đối mặt với tình trạng dư thừa lao động, việc thiết kế và thực hiện các chính sách vĩ mô luôn phải cân nhắc tới tạo việc làm đầy đủ, bền vững và thỏa đáng.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự tương tác của các thể chế trên thị trường đều ảnh hưởng

tới nền kinh tế của mỗi quốc gia. Thông qua những hoạt động ổn định nền kinh tế vĩ mô, việc tận dụng những lợi thế do toàn cầu hóa mang lại và kiểm soát, dung hòa những bất cân xứng của nó là rất cần thiết. Do đó, để nền kinh tế đạt được tăng trưởng “tích cực”, các nhà hoạch định chính sách phải xây dựng các đối sách nhằm ổn định kinh tế vĩ mô một cách khôn ngoan. Sử dụng các công cụ quản lý, điều tiết nền kinh tế, như: chính sách tài khóa, kiểm soát lạm phát, thuế khóa, thu hút đầu tư nước ngoài, giữ môi trường đầu tư ổn định... nhưng Việt Nam cần chủ động tạo việc làm và nâng cao phúc lợi cũng như bảo vệ việc làm cho người lao động, phải gắn kết kinh tế và các vấn đề xã hội.

Trên thực tế, Chính phủ Việt Nam đã có những phản ứng và chính sách linh hoạt điều tiết nền kinh tế và đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, trong đó tỷ lệ tham gia lực lượng lao động gia tăng. Tuy nhiên, mức tăng trưởng đó vẫn chưa được như kỳ vọng, phúc lợi thực sự của người dân vẫn có khoảng cách xa với thu nhập. Điều này cần có những chính sách ổn định kinh tế vĩ mô hiệu quả hơn, đặc biệt tạo thêm nhiều việc làm thỏa đáng.

b. Khuyến nghị

Thứ nhất, xây dựng các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động theo từng vùng, từng địa phương, phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng những đối tượng đặc thù.

Thứ hai, ngoài việc dựa trên tài sản bảo đảm hoặc phương án sản xuất - kinh doanh khả thi, khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác; khuyến khích thành lập tổ chức tư vấn độc lập để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ ba, tiếp tục đầu tư cho các hoạt động đào tạo không chỉ trong các cơ sở đào tạo mà cả trong các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng lao động, bảo vệ việc làm cho người lao động; khuyến khích và hỗ trợ các

doanh nghiệp, cơ sở đào tạo đầu tư cho hoạt động đào tạo tại nơi làm việc.

Thứ tư, trung tâm dịch vụ việc làm tăng cường liên kết với các doanh nghiệp. Gắn các sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm hiệu quả hơn với các hình thức giao dịch việc làm khác thông qua Zalo, Facebook; hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người tìm việc, việc tìm người của các trung tâm dịch vụ việc làm.

Thứ năm, nâng cao năng lực đối thoại cho người lao động và tổ chức đại diện của người lao động. Điều này giúp người sử dụng lao động và người lao động tăng cường chia sẻ lợi ích, thông tin; theo đó, góp phần tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất - kinh doanh, bảo vệ việc làm cũng như quyền và lợi ích của người lao động□

Tài liệu tham khảo:

1. Tổng cục Thống kê (2024). *Niên giám thống kê năm 2023*.
2. Tổng cục Thống kê (2024a). *Thông cáo báo chí tình hình lao động - việc làm quý I/2024*.
3. VCCI (2022). *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam, 2021*.
4. VCCI (2024). *Báo cáo Chỉ số PCI và PGI 2023*.
5. Bhaduri, A. (2005). *Macroeconomic policies for higher employment in the era of globalization*. Geneva: International Labour Organization.
6. ILO (2009). *Protecting People, Promoting Jobs: From crisis response to recovery and sustainable growth*.
7. Muqtada, M. (2003). *Macroeconomic stability, growth and employment: Issues and considerations beyond the Washington Consensus*.
8. Ocampo, J. A. (2008). *A broad view of macroeconomic stability*. The Washington consensus reconsidered, 63-94.
9. Piece, T.T. (2012). *Macroeconomic stability, inclusive growth and employment*. ILO, UNCTAD, UNDESA, WTO.
10. Stienon, Audrey, Wendy Cunningham và Nguyễn Thị Nga (2020). *Đánh giá chung Trung tâm Dịch vụ Việc làm tại Việt Nam*. Washington, D.C.: Ngân hàng Thế giới.
11. UN (2018). *How labour and macroeconomic policies can contribute towards the achievement of the Sustainable Development Goals*.